TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST Ngày: 16-5-2019 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;
- Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng C,** sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trương Hoàng G,** sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Chị và anh Trương Hoàng G tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Hai bên tiến hành kết hôn vào ngày 18-8-2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì anh G thường xuyên đi đá gà, sử dụng ma túy đá, chị nhiều lần khuyên ngăn không được nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Cuộc sống vợ chồng từ khi kết hôn đến nay không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống cách nay đã hơn 09 tháng. Trong thời gian chị về nhà cha mẹ sinh sống, 06 tháng đầu thì anh G không quan tâm gì, không đến nhà cha mẹ

ruột của chị rước chị về, cũng không gọi điện hỏi thăm, không quan tâm lo lắng gì đến con. Cách nay khoảng hơn 02 tháng thì anh G có đến gặp chị, xin lỗi chị và cha mẹ chị, ông bà nội chị xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh G vẫn không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Chị có nộp đơn ly hôn anh G vào ngày 26-6-2018, sau đó chị suy nghĩ lại cho anh G cơ hội nên chị rút lại đơn trước khi Tòa án thụ lý. Thế nhưng, anh G vẫn không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Hoàng Thiên A, sinh ngày 03-02-2017, hiện cháu A đang sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Trương Hoàng G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh G không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Hoàng G, đồng thời yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị C là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Trương Hoàng G tranh chấp về ly hôn; anh G hiện cư trú trên địa bàn huyện C. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Trương Hoàng G không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh G.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Trương Hoàng G là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1*5/2016 ngày 18-8-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C sống không hạnh phúc vì phía anh G thường xuyên cờ bạc (đi đá gà) và sử dụng ma túy đá, được Công an xã T, huyện C xác nhận là đúng, chị C khuyên ngăn nhưng không được nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị không thể tiếp tục chung sống với anh G được nữa nên chị và con chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống cách nay khoảng 01 năm. Thế nhưng, phía anh G cũng không quan tâm gì đến vợ con, cụ thể là anh G hứa thay đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng không thực hiện. Dù các tình tiết này do phía chị C nêu ra, nhưng phía anh G không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh G không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị C, cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh G đã không còn quan tâm đến hôn nhân của mình. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị C và anh G đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị C và anh G có 01 con chung là cháu Trương Hoàng Thiên A, sinh ngày 03-02-2017, hiện cháu A đang sống với chị C. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, phía anh G không có yêu cầu được nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống, cũng như tâm lý của cháu.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh G không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng C là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng C. Cho chị Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với anh Trương Hoàng G.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng Thiên A, sinh ngày 03-02-2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Trương Hoàng G không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị C chưa yêu cầu.

Anh Trương Hoàng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16396 ngày 19-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị C đã thi hành xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Hồng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Trương Hoàng G là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực